
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505



Song Da 505

(Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 39 03 000041
do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 8 năm 2004)

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU TẠI TRUNG TÂM GIAO DỊCH
CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Mệnh giá: 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng)/ cổ phiếu

Tổng số lượng đăng ký: 700.000 (Bảy trăm ngàn) cổ phiếu

Tổng giá trị đăng ký: 7.000.000.000 VNĐ (Bảy tỷ đồng)

**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN- CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN (AASC)**

Trụ sở chính: 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 824 1990

Fax: (84-4) 825 3973

TỔ CHỨC TƯ VẤN- CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB

Trụ sở Chính: 9 Lê Ngô Cát, Phường 7, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 9 302 428

Fax: (84-8) 9 302 423

Chi nhánh Công ty TNHH Chứng khoán ACB

Trụ sở : Số 95-97 Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 942 9396

Fax: (84-4) 942 9408




MỤC LỤC

I.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	4
1.	Tổ chức đăng ký.....	4
2.	Tổ chức tư vấn.....	4
II.	CÁC KHÁI NIỆM.....	4
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ.....	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
2.	Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....	12
3.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức xin đăng ký, những công ty mà tổ chức đăng ký đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký.	13
4.	Hoạt động kinh doanh.....	14
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2005 và 06 tháng đầu năm 2006	22
6.	Hội đồng quản trị, ban tổng giám đốc, ban kiểm soát.....	29
7.	Tài sản.....	39
8.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	44
9.	Các căn cứ để đạt được kế hoạch và lợi nhuận.....	45
10.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận.....	46
11.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức xin đăng ký.	48
12.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng tới tổ chức xin đăng ký	48
IV.	CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ.....	48
1.	Loại cổ phiếu.....	48
2.	Mệnh giá.....	48
3.	Tổng số chứng khoán.....	48

4.	Phương pháp tính giá.....	48
5.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	49
6.	Các loại thuế có liên quan.....	49
V.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ.....	50
1.	Tổ chức tư vấn.....	50
2.	Tổ chức kiểm toán.....	50
VI.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	50
1.	Rủi ro về kinh tế.....	50
2.	Rủi ro về pháp luật.....	51
3.	Rủi ro cạnh tranh.....	51
3.	Rủi ro đặc thù.....	51
4.	Rủi ro lãi suất.....	52
VII.	PHỤ LỤC.....	53



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ- CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

-  Ông: **NGUYỄN XUÂN CHUẨN** Chức vụ: **Chủ tịch Hội đồng quản trị**
-  Ông: **ĐẶNG QUANG ĐẠT** Chức vụ: **Giám đốc**
-  Ông: **VŨ SƠN THỦY** Chức vụ: **Kế toán trưởng**

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN- CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB CHI NHÁNH HÀ NỘI

-  Đại diện theo pháp luật: **Ông Phạm Tuấn Long**
-  Chức vụ: **Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ xin đăng ký giao dịch cổ phiếu do Công ty TNHH Chứng khoán ACB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Sông Đà 505. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 505 cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

- Công ty Công ty Cổ phần Sông Đà 505
- Tổ chức xin đăng ký giao dịch Công ty Cổ phần Sông Đà 505
- ĐHĐCĐ Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT Hội đồng quản trị
- TSCĐ Tài sản cố định
- Cổ phiếu Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 505

- | | |
|-----------|--|
| • Điều lệ | Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Sông Đà 505 |
| • TTGDCK | Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội |
| • BCTC | Báo cáo tài chính |

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

1. TÓM TẮT QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1.1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 được thành lập theo quyết định số 980/QĐ-BXD ngày 22 tháng 06 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng trên cơ sở chuyển đổi từ một bộ phận doanh nghiệp Nhà nước là Xí nghiệp Sông Đà 505 thuộc Công ty Sông Đà 5 - Tổng Công ty Sông Đà thành Công ty cổ phần và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 01/09/2004. Công ty được kế thừa một đội ngũ hơn 500 cán bộ công nhân viên của Xí nghiệp Sông Đà 505 có trình độ, tay nghề cao, bề dày kinh nghiệm trong thi công một số công trình thủy điện với truyền thống thi công xây lắp, khoan nổ cho các công trình thủy điện lớn; thi công các công trình giao thông, dân dụng, nhà ở như : Thủy điện Hòa Bình, thủy điện Vĩnh Sơn, thủy điện Yaly, thủy điện Sê san 3A, thủy điện Pleikrông, thủy điện Sê san 4, Đường giao thông, đường dây 500KV, và một số công trình công nghiệp, dân dụng.. đã tạo được uy tín đối với các ban quản lý, ban điều hành trong khu vực và Tổng Công ty Sông Đà về tiến độ và chất lượng công trình. Từ khi thành lập Công ty không ngừng hoàn thiện mô hình, cơ cấu bộ máy tổ chức nhằm tinh giảm gọn nhẹ, giảm chi phí, hạ giá thành và nâng cao hiệu quả trong SXKD. Hiện nay Công ty đang tham gia thi công một số hạng mục chính tại các công trình : Thủy điện Sê san 3A , Pleikrông, Sê San 4, Krôngkmar; Sêkaman 3 và nhà máy xi măng Hạ Long với giá trị sản xuất kinh doanh bình quân năm đạt 100 -120 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 4 - 5,5 tỷ đồng/năm, đảm bảo ổn định mức thu nhập bình quân đầu người 2,0 -:- 2,2 triệu đồng/tháng. Công ty chúng tôi đang đầu tư một số dây truyền thiết bị : trạm trộn bê tông, thiết bị nâng, phương tiện vận chuyển và đào tạo nhân lực đảm bảo qui trình SXKD khép kín nhằm tiến tới trở thành nhà thầu có năng lực, có thể đảm đương được những công trình trọng điểm, đáp ứng được yêu cầu công việc cũng như tiến độ thi công các gói thầu.

Sau một thời gian tiến hành công tác cổ phần hóa doanh nghiệp, ngày 09 tháng 8 năm 2004 Công ty Cổ phần Sông Đà 505 đã chính thức đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 39 03 000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp.

1.2. Một số thông tin cơ bản về công ty

Tên công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505
Tên tiếng Anh:	SONG DA 505 JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	SONG DA NO 505 JSC
Trụ sở :	Xã IaKhai, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai
Văn phòng giao dịch :	142 Lê Lợi, Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai
Điện thoại:	(84-5) 9 875 711
Fax:	(84-5) 9 897 323

Logo



SONG DA 505

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Với đội ngũ cán bộ công nhân viên có truyền thống và kinh nghiệm lâu năm, đặc biệt những người đang lãnh đạo Công ty, đều là những cán bộ có thâm niên trong lĩnh vực xây lắp, thi công cơ giới và có tầm nhìn chiến lược tổ chức kinh doanh. Công ty định hướng trong thời kỳ mới, ngoài việc tiếp tục giữ vững vị thế và thị phần các ngành nghề, sản phẩm truyền thống là hoạt động xây lắp, thi công cơ giới trên địa bàn các tỉnh Miền Trung Tây Nguyên, Công ty sẽ mở rộng hoạt động kinh doanh sang những lĩnh vực kinh doanh có nhiều triển vọng và có tính khả thi cao. Để thực hiện chiến lược đó, Công ty đã tiến hành đăng ký kinh doanh những ngành nghề sau :

✦ Xây dựng công trình công nghiệp, công cộng, dân dụng, nhà ở, công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông và xây dựng khác.

✦ Khai thác, sản xuất, kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng, phụ kiện phục vụ xây dựng.

✦ Xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;

✦ Thi công khai thác đất đá bằng phương pháp khoan nổ mìn, xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt.

1.4. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 39 03 000041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 8 năm 2004 vốn điều lệ của Công ty là **7.000.000.000 đồng** (*Bảy tỷ đồng*), tương ứng với số lượng Cổ phần là 700.000 Cổ phần (*mệnh giá một Cổ phần là 10.000 đồng*). Cơ cấu vốn điều lệ hiện nay của Công ty như sau :

Cơ cấu vốn điều lệ :

TT	Cổ đông	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ
<u>I</u>	<u>Cổ đông pháp nhân</u>	<u>357.000</u>	<u>51%</u>
1	Công ty cổ phần Sông Đà 5	357.000	51%
<u>II</u>	<u>Cổ đông thể nhân</u>	<u>343.000</u>	<u>49%</u>
1	Cổ đông trong công ty (147 người)	306.400	43,8%
2	Cổ đông ngoài công ty (22 người)	36.600	5,2%
	Tổng Cộng	700.000	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 505)

1.5. Bộ máy tổ chức.

Công ty Cổ phần Sông Đà 505 được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Sông Đà 505, bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông.

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. ĐHĐCĐ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo, bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Công ty...

Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty có 05 thành viên, mỗi nhiệm kỳ tối đa của từng thành viên là 05 năm. Chủ tịch Hội đồng quản trị do HĐQT bầu ra.

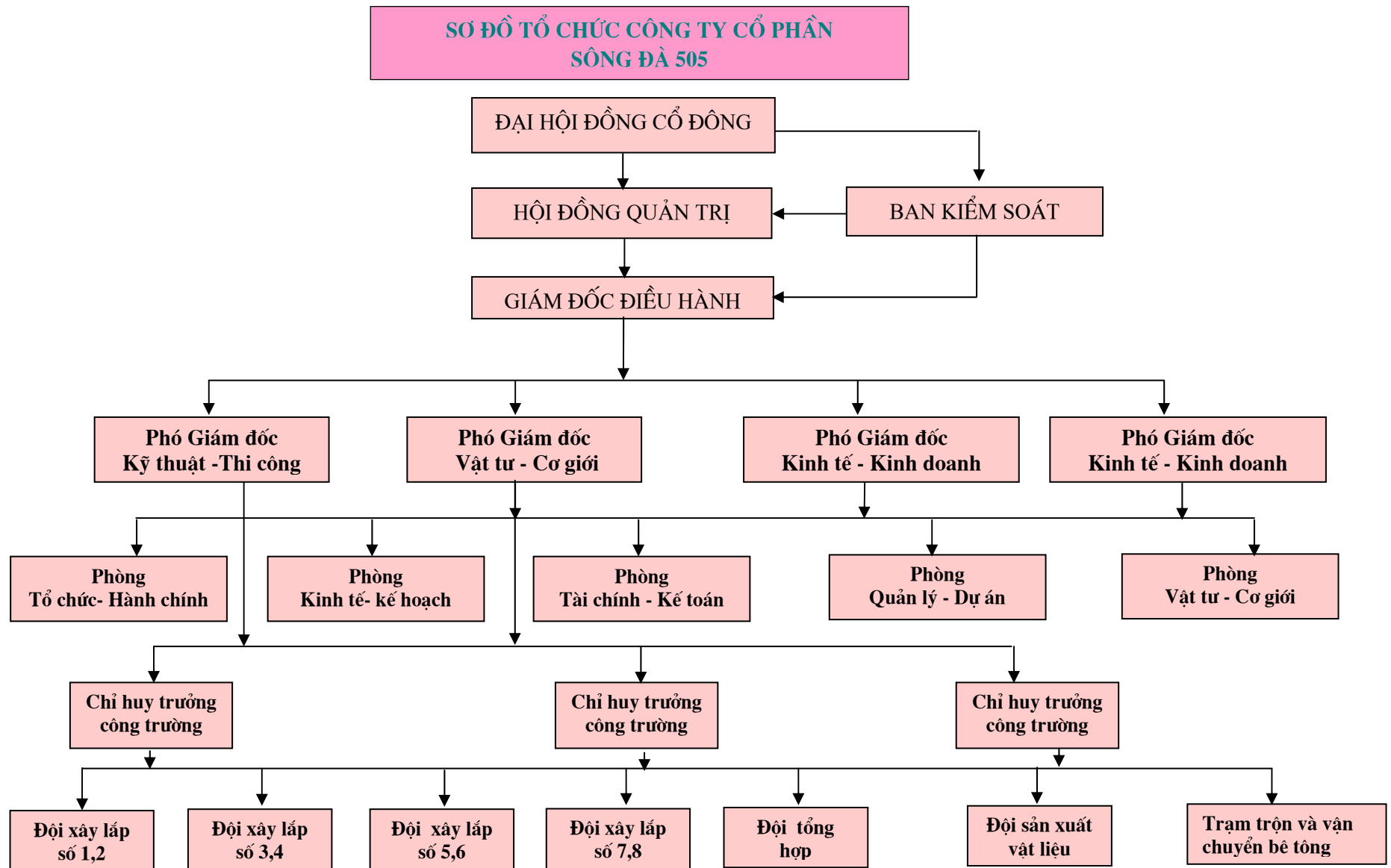
Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát là cơ quan có chức năng hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và thay mặt ĐHĐCĐ giám sát mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, báo cáo trực tiếp ĐHĐCĐ. Ban kiểm soát của Công ty có 03 thành viên.

Ban giám đốc.

Ban giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 505 gồm có 05 thành viên, trong đó có 01 giám đốc và 04 Phó giám đốc. Giám đốc là người điều hành và chịu trách nhiệm về mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ,

quyết định của HĐQT, Điều lệ công ty. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.



1.6. Nguồn nhân lực của công ty

Tính đến thời điểm 30/09/2006, tổng số lao động hiện có của Công ty là 550 người, cơ cấu lao động của Công ty phân loại theo trình độ học vấn như sau:

STT	Trình độ học vấn	Số người	Tỷ trọng (%)
1	Lao động trình độ đại học	28	5,09%
2	Lao động trình độ cao đẳng	13	2,36%
3	Lao động trình độ trung cấp	17	3,09%
4	Lao động công nhân kỹ thuật	275	50%
5	Lao động thời vụ	217	39,45%
	Tổng cộng	550	100%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

Chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng số lao động của Công ty là đội ngũ công nhân kỹ thuật, vận hành lành nghề và một lực lượng khá đông đảo lao động theo thời vụ, kể đến là đội ngũ cán bộ quản lý chuyên môn nghiệp vụ với bề dày kinh nghiệm gần 30 năm trong lĩnh vực thi công cơ giới đặc biệt là thi công các công trình thủy điện.

Ý thức được con người là nhân tố quyết định trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Trong những năm qua, Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực cả về số lượng và chất lượng để đáp ứng cho thời kỳ mới.

Đối với vấn đề phát triển số lượng lao động, Công ty đã ban hành quy trình tuyển dụng và áp dụng công khai, công bằng cho toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty. Việc tuyển dụng lao động mới hàng năm xuất phát từ kế hoạch sử dụng lao động do các đơn vị, bộ phận trực thuộc xây dựng và phải được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt. Quá trình tuyển dụng phải trải qua sát hạch của Hội đồng tuyển dụng tùy theo phân cấp Công ty hoặc đơn vị trực tiếp tuyển dụng. Sau khi trải qua kỳ thi kiểm tra trình độ, người lao động được tuyển dụng vào làm thử việc và kết quả lao động phải

được đánh giá một cách khách quan bởi Hội đồng tuyển dụng và cấp quản lý trực tiếp. Căn cứ vào các kết quả nhận xét của Hội đồng tuyển dụng và cấp quản lý, nếu đạt tiêu chuẩn thì người lao động sẽ được ký hợp đồng lao động và chính thức làm việc tại Công ty.

Song song với việc phát triển số lượng lao động, hàng năm Công ty cũng thực hiện chính sách phát triển về chất lượng nhân lực. Công ty xác định công tác đào tạo phải được thực hiện thường xuyên, việc đào tạo phải xuất phát từ lợi ích của Công ty. Ngoài việc khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên của Công ty tự giác học tập, nâng cao tay nghề, Công ty còn thường xuyên tổ chức hoặc phối hợp tổ chức, cử công nhân viên đi tham gia các khóa đào tạo theo bốn hình thức là: Đào tạo nâng cao tay nghề, đào tạo chuyển nghề, đào tạo nâng ngạch, đào tạo thi nâng bậc lương.

Để khuyến khích người lao động hăng say trong công việc và gắn bó lâu dài với doanh nghiệp. Ngoài việc thực hiện nghiêm túc quy chế lương, thưởng, hàng năm, Công ty cũng thường xuyên tổ chức thi nâng bậc, ngạch cho cán bộ công nhân viên, tiêu chuẩn và điều kiện dự thi được xem xét một cách khách quan và minh bạch cho toàn bộ doanh nghiệp. Mặt khác công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình phúc lợi cho người lao động như tham quan, nghỉ mát, thi đấu thể thao... sau những giờ làm việc căng thẳng, tạo niềm tin và động lực phấn đấu hết mình cho sự phát triển Công ty.

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP VÀ TỶ LỆ CỔ PHẦN NĂM GIỮ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 39 03 000041 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 09 tháng 8 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 11 năm 2006, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty tại thời điểm đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ nhất gồm có 01 cổ đông, chi tiết như sau :

STT	Tên cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Tỷ lệ Cổ phần nắm giữ
I	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	TT Na Hang - Huyện Na Hang - Tỉnh Tuyên Quang	51 %
	<u>Đại diện là các Ông, Bà:</u>		
1	Nguyễn Xuân Chuẩn	Thanh Xuân - Hà Nội	22,43%
2	Vũ Trung Trực	Thanh Xuân - Hà Nội	4,28%
3	Đặng Quang Đạt	Ngọc Long - Yên Mỹ Hưng Yên	8,57%
4	Đặng Văn Tuyển	Liên Hiệp - Hưng Hà Thái Bình	3,57%
5	Nguyễn Mạnh Tiến	Thanh Xuân Nam Thanh Xuân – Hà Nội	5,02%
6	Hoàng Việt Thanh	Thượng Đình – Thanh Xuân Hà Nội	4,29%
7	Lê Văn Phúc	Thụy Phúc – Phú Xuyên Hà Tây	1,42%
8	Phạm Định Hiếu	Nam Thượng - Nam Đàn Nghệ An	1,42%

(Nguồn : Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

Theo quy định của Luật doanh nghiệp, các cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng số cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày công ty được cấp đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 09 tháng 8 năm 2004), thì chỉ có duy nhất cổ đông Công ty Công ty Cổ phần Sông Đà 5 bị hạn chế chuyển nhượng, đồng thời cũng là Cổ đông duy nhất nắm giữ trên 5% vốn điều lệ .

3. DANH SÁCH NHỮNG CÔNG TY MẸ VÀ CÔNG TY CON CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ, NHỮNG CÔNG TY MÀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ ĐANG NẮM GIỮ QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI, NHỮNG CÔNG TY NẮM QUYỀN KIỂM SOÁT HOẶC CỔ PHẦN CHI PHỐI ĐỐI VỚI TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ

STT	Tên tổ chức	Địa chỉ	Số lượng Cổ phần	Tỷ lệ %
1	CÔNG TY MẸ –CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5	TT Na Hang - Huyện Na Hang - Tỉnh Tuyên Quang	357.000	51%
2	CÔNG TY CON – KHÔNG CÓ CÔNG TY CON		0	0%

4. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

4.1. Triển vọng phát triển ngành:

Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển cao bình quân trên 7%/ năm và được dự báo là sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới. Kinh tế khu vực Miền Trung Tây Nguyên trong những năm qua cũng có những bước phát triển đáng khích lệ, tốc độ tăng trưởng GDP bình quân trên 10% năm. Trong 5 năm qua tốc độ huy động vốn đầu tư cho các tỉnh Tây Nguyên đạt 40.500 tỷ đồng, thu nhập bình quân đầu người trên 5 triệu đồng/ năm¹. Theo định hướng phát triển Kinh tế Xã hội Miền Trung Tây Nguyên giai đoạn 2006 đến 2010, do Chính phủ đề ra, tốc độ tăng trưởng mục tiêu gấp khoảng 1,2² lần so với cả nước, từ 2010 đến 2020 đối với khu vực Miền Trung đạt khoảng 1,25 lần tốc độ tăng trưởng bình quân toàn quốc, tăng tỷ lệ đóng góp của vùng trong GDP của cả nước từ 5% hiện nay lên khoảng 5,5% vào năm 2010 và 6,5%³ vào năm 2020.

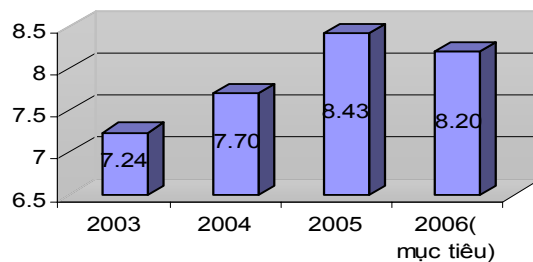
Nhìn chung trong những năm sắp tới, kinh tế Việt Nam tiếp tục bước vào giai đoạn hội nhập và phát triển, kinh tế khu vực Miền Trung Tây Nguyên với những tiềm năng phong phú cùng với sự hỗ trợ, đầu tư to lớn của Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục tăng trưởng cao.

¹ Nguồn: Báo điện tử Việt Nam net

² Nguồn: Thời báo điện tử Bưu điện Việt Nam

³ Nguồn: Báo điện tử Việt Nam net

Mức tăng trưởng GDP qua các năm (%)



Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam- Kinh tế Việt Nam năm 2005- 2006

Do nền kinh tế tăng trưởng cao, nên thị trường điện Việt Nam hiện nay có cung nhỏ hơn cầu, mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng nhanh 15 đến 17 %/năm so với mức tăng trung bình trên thế giới 2,3% năm⁴. Nguồn điện năng trên thị trường hiện nay được cung cấp từ rất nhiều nguồn: nhiệt điện, thủy điện, diesel, tua bin, khí... Đến tháng 7 năm 2005 toàn bộ hệ thống điện có tổng công suất là 11.286 MW, trong đó nguồn thuộc EVN là 8.847 MW (chiếm 78,4%) và các nguồn ngoài EVN đạt trên 2.400 MW (chiếm 21,6%)⁵.

Để đáp ứng mức độ tăng trưởng nhu cầu về sử dụng điện trong cả nước, Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch phát triển nguồn điện giai đoạn 2001-2010, trong đó ưu tiên phát triển thủy điện, nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (cấp nước, chống lũ, chống hạn...). Khuyến khích đầu tư các nguồn thủy điện nhỏ và vừa với nhiều hình thức để tận dụng nguồn năng lượng sạch, tái sinh này⁶. Trong khoảng 20 năm tới sẽ xây dựng hầu hết các nhà máy thủy điện tại những nơi có khả năng xây dựng. Dự kiến đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy thủy điện khoảng 13.000- 15.000 MW⁷. Miền Trung Tây Nguyên là khu vực có nhiều tiềm năng phát triển thủy điện, định hướng đến năm 2020 Chính phủ sẽ đầu tư xây dựng 30⁸ nhà máy thủy điện vừa và lớn và khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng nhiều nhà máy thủy điện cỡ nhỏ, là điều kiện thuận lợi cho những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các Công trình thủy điện nói chung và xây dựng cơ sở hạ tầng nói riêng trên địa bàn.

⁴ Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

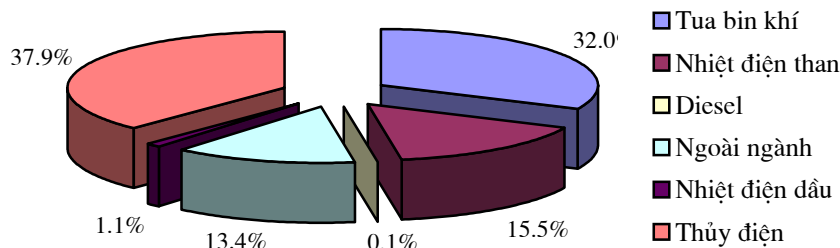
⁵ Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

⁶ Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

⁷ Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006- 2015, triển vọng đến 2020

⁸ Nguồn: Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia 2006-2015, triển vọng đến 2020

Cơ cấu điện năng



4.2. Vị thế của Công ty trên địa bàn.

Hiện nay trên thị trường các tỉnh Miền Trung Tây Nguyên, đã xuất hiện nhiều đối thủ cạnh tranh thuộc các Tổng công ty có tên tuổi lớn như: LICOGI, VINACONEX...đây là những đơn vị có thế mạnh về vốn đầu tư, xe máy thiết bị nhiều, phạm vi hoạt động kinh doanh rộng, sẵn sàng tham gia thi công các công trình thủy điện lớn của đất nước và có khả năng cạnh tranh trực tiếp với doanh nghiệp. Tuy nhiên, là công ty con của Công ty Cổ phần Sông Đà 5, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 được thừa hưởng tất cả các thế mạnh từ Công ty mẹ. Công ty là đơn vị được Tổng công ty cũng như Công ty mẹ giao cho chuyên thi công bê tông cốt thép tại các công trường thủy điện lớn của đất nước trên khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

4.3.Sản phẩm, dịch vụ chính.

4.3.1. Nguyên vật liệu đầu vào

➤ **Xi măng:** Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà YALY là đối tác cung cấp chính. Các loại xi măng: Xi măng Sông Đà YALY, xi măng Hoàng Thạch, xi măng Bim Sơn.v.v. do được chỉ định là nhà cung cấp vật liệu cho đơn vị nên nguồn cung cấp tương đối ổn định.

➤ **Sắt, thép:** Công ty chủ động tìm nguồn hàng chất lượng đảm bảo, giá cả phải chăng như Công ty thép Miền Nam, Công ty Kim Khí Miền Trung và một phần mua của Công ty Cổ phần xi măng Sông Đà YALY là đơn vị làm dịch vụ cung cấp chính vật tư cho các công trình do Tổng Công ty Sông Đà làm tổng thầu.

➤ **Đá, cát, vữa bê tông** : Do các đơn vị thuộc Tổng công ty Sông Đà được giao thầu khai thác từ các mỏ gần khu vực công trình và sản xuất chuyên phục vụ thi công công trình , nên về khối lượng và tiến độ tương đối đủ và kịp thời (do được khảo sát trước).

➤ **Xăng dầu**: Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên là đối tác cung cấp chính cũng giống như các nguồn vật liệu trên tương đối ổn định số lượng.

➤ **Điện**: Sử dụng điện lưới quốc gia .

Do đó nguồn nguyên nhiên vật liệu cũng như khối lượng cung cấp cho đơn vị phục vụ thi công tương đối ổn định.

4.3.2.Sản phẩm đầu ra

Là đơn vị đại diện cho Tổng Công ty và công ty mẹ, chuyên hoạt động thi công bê tông cốt thép trong xây dựng các công trình thủy điện, công nghiệp và các công trình dân dụng khác trên địa bàn Miền Trung Tây Nguyên. Sau gần hai mươi năm gắn bó với thị trường, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 đã khẳng định được là thương hiệu mạnh trên địa bàn và tạo được uy tín cho các sản phẩm của Công ty đối với khách hàng. Các sản phẩm chính của Công ty có thể chia thành những nhóm như sau:

➤ Nhóm sản phẩm là các hạng mục công trình thủy điện, bao gồm: đập dâng, đập tràn, cửa nhận nước, đường ống áp lực, nhà máy, đường dây và trạm phân phối điện. Các sản phẩm này thường có cấu trúc bê tông cốt thép kết cấu đa dạng.

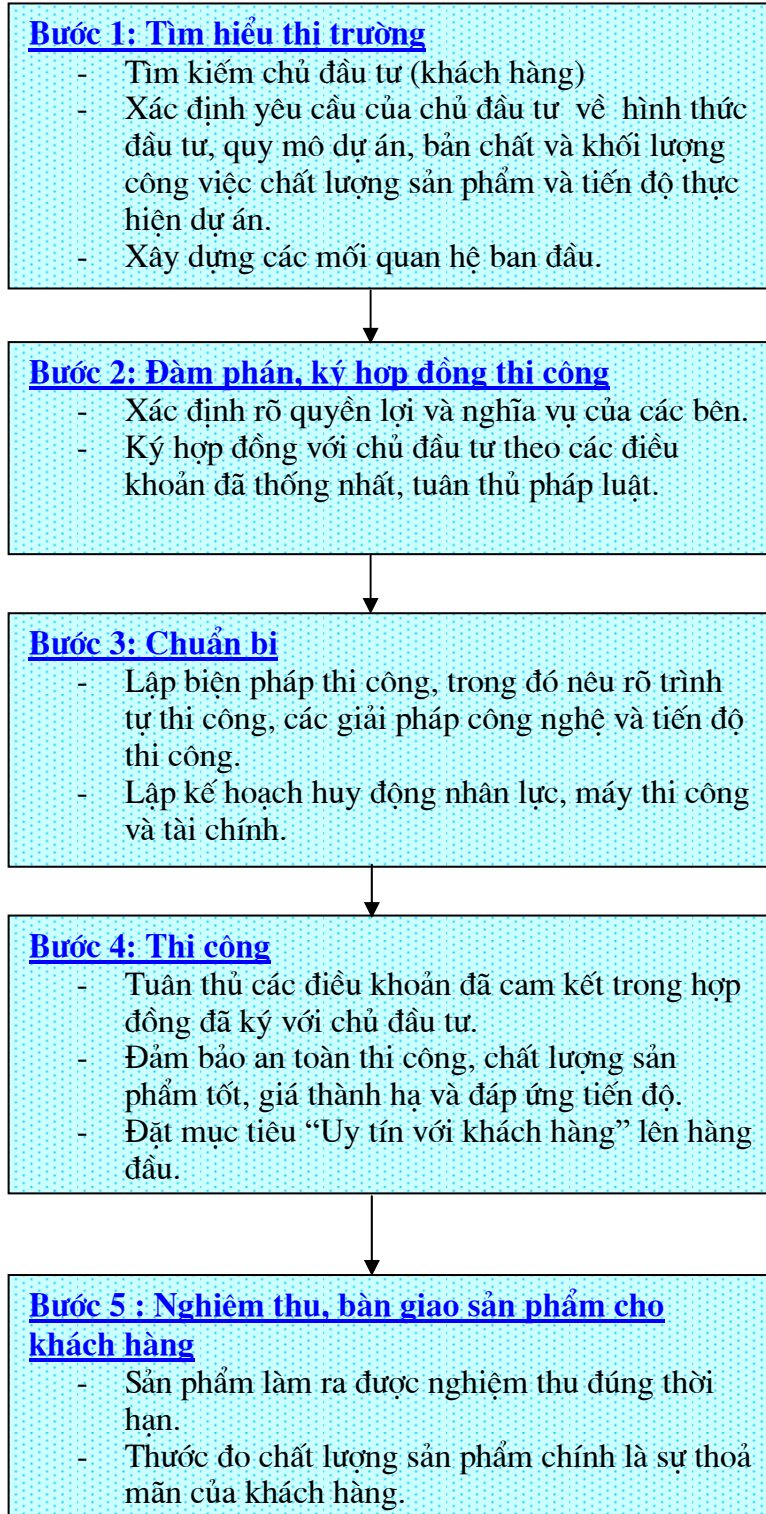
➤ Nhóm sản phẩm là các công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi và dân dụng, theo nhóm này có thể có các sản phẩm hoàn chỉnh sau đây: Xây dựng công trình công nghiệp, cầu, đường bộ, nhà xưởng công nghiệp và dân dụng.

➤ Các loại vật liệu xây dựng, gồm có: Đá hộc, đá dăm, đất các loại, bê tông tươi.

➤ Các cấu kiện kim loại phục vụ xây dựng theo chi tiết sau: Cốp pha cho công tác đổ bê tông, gá lắp cốt thép cho thi công bê tông.

Các sản phẩm của Công ty đều được kiểm soát chất lượng chặt chẽ qua tất cả các Công đoạn sản xuất, đáp ứng được mục tiêu chất lượng mà Ban lãnh đạo Công ty đề ra, ngày càng nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và tạo dựng uy tín vững chắc cho các sản phẩm, dịch vụ của Công ty.

QUY TRÌNH CHUNG SẢN XUẤT SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY



MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ CÁC CÔNG TRÌNH CÔNG TY ĐÃ THI CÔNG



Thủy điện Hòa Bình



Thủy điện Yaly



**Thi công cầu giao thông thủy điện
Sê San 3A**



**Thi công cầu lắp đặt cốt thép, cốp
pha tại thủy điện Sê San 4**

4.4. Trình độ công nghệ:

Là đơn vị chủ lực, chuyên thi công bê tông cốt thép cho các công trình tại Miền Trung Tây Nguyên, Công ty xác định trong giai đoạn hiện nay và những năm sắp tới Nhà nước sẽ tiến hành đầu tư xây dựng nhiều Công trình trọng điểm trên địa bàn. Để có thể có đủ năng lực đảm nhận thi công các phần việc của các công trình nêu trên, trong những năm vừa qua Công ty đã tiến hành đầu tư hiện đại hóa các loại máy móc thiết bị hiện đại có nguồn gốc từ các nước Châu Âu và các nước phát triển khác trên thế giới. Các loại máy móc thiết bị chuyên dùng của Công ty có đủ khả năng thi công những phần việc phức tạp nhất, trong những điều kiện địa hình, thời tiết xấu nhất, giúp cho công ty luôn luôn hoàn thành kế hoạch được giao.



Dây chuyền sản xuất đá dăm



Thi công hố móng đập tràn

4.5. Kế hoạch phát triển kinh doanh

4.5.1. Kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh từ 2006- 2010:

Đại hội cổ đông Công ty năm 2006, đã đề ra chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2006 - 2010 như sau:

- Xây dựng và phát triển Công ty trở thành một đơn vị thi công bê tông cốt thép mạnh, có đủ khả năng đảm nhận các công trình trọng điểm quốc gia, làm chủ đầu tư và vận hành các công trình, dự án thủy điện, công trình công cộng trên địa bàn tỉnh Gia Lai và khu vực Miền Trung Tây Nguyên.

- Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, lấy hiệu quả kinh tế là thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của Công ty, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển Tổng công ty Sông Đà trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh;

- Đa dạng hóa sở hữu, khai thác mọi nguồn vốn từ cộng đồng xã hội, ngân hàng, tổ chức tín dụng, Tổng công ty, Công ty mẹ... để thực hiện đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực có triển vọng mang lại lợi nhuận cao và bền vững.

4.5.2. Kế hoạch đầu tư

• Đầu tư nâng cao năng lực máy móc thiết bị thi công

Để có đủ năng lực thi công các công trình lớn được Tổng công ty và công ty mẹ giao, Công ty xác định trong giai đoạn 2006- 2008 sẽ tiếp tục thực hiện đầu tư đổi mới, nâng cao năng lực hệ thống máy móc thiết bị thi công chính. Kế hoạch đầu tư từng năm như sau :

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Năm				
		2006	2007	2008	2009	2010
	TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ DỰ ÁN	3.600	4.200	16.500	12.000	10.000
1	Đầu tư dây truyền trạm trộn bê tông.	2.120				
2	Đầu tư xe vận chuyển bê tông	1.480				
3	Dây truyền trạm sản xuất đá cấp phối và đá dulong trong bê tông.			2.500		
4	Nâng cao năng lực thiết bị (Cần trục, máy đào, xe vận chuyển..)		1.700	2.200	2.000	
5	Xây dựng trụ sở công ty		2.500	1.800		
6	Đầu tư xây dựng công trình			10.000	10.000	10.000

5. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2004, 2005 & 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2006

Công ty cổ phần Sông Đà 505 với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh chủ yếu là thi công công tác bê tông tại các công trình thủy điện, dự án công nghiệp, từ khi thành lập Công ty vẫn đẩy mạnh công tác tiếp cận các dự án xây dựng thủy điện trọng điểm tại khu vực miền Trung và các địa bàn lân cận như : Thủy điện Sê San 3A, Sê San 4, Iagrai 3 tại Gia Lai ; công trình thủy điện Pleikrông , Đăkrosa tại Kon Tum; Công trình thủy điện Krôngkma tại ĐăkLăk; công trình thủy điện Sêkaman 3 tại Nước CH DCND Lào; các dự án xây dựng công nghiệp như Dự án xây dựng nhà máy Xi măng Sông Đà Yaly tại Gia Lai và dự án xây dựng Nhà máy xi măng Hạ Long tại TP Hồ Chí Minh,... với việc tham gia thi công tại nhiều công trình có địa bàn cách xa nhau đã gặp không ít những khó khăn do sự thiếu hụt về lực lượng cán bộ cũng như máy móc thiết bị để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo Tổng công ty, lãnh đạo các công trường và các đơn vị bạn cùng tham gia thi công trên công trường đã tạo điều kiện thuận lợi về nhiều mặt trong việc tổ chức thi công đảm bảo được tiến độ do các công trường đề ra, khối lượng công việc được đảm bảo thường xuyên tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động cũng như việc thực hiện các mục tiêu kinh tế của Công ty. Trong những năm vừa qua với sự chỉ đạo đúng đắn của lãnh đạo Công ty và sự đoàn kết quyết tâm của tập thể cán bộ công nhân viên trong đơn vị, Công ty đã thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất kinh doanh và đạt được một số kết quả nhất định về một số chỉ tiêu kinh tế, đời sống cán bộ công nhân không ngừng được quan tâm, lợi ích và chế độ của người lao động được đảm bảo.

5.1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị: đồng

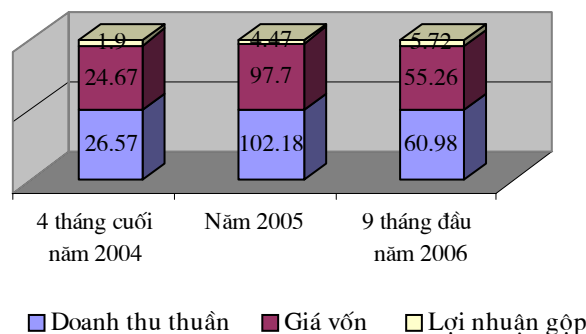
Chỉ tiêu	Năm 2004 (Từ 01/09/04 - 31/12/04)	Năm 2005	Từ 01/01- 30/09/2006
Tổng giá trị tài sản	43.400.867.119	40.820.157.982	44.233.674.220
Doanh thu thuần	26.568.652.107	102.180.718.927	60.980.488.796
Lợi nhuận từ HĐ kinh doanh	1.084.637.295	2.812.650.924	3.551.941.336
Lợi nhuận khác	0	617.384.524	23.846.223
Lợi nhuận trước thuế	1.084.637.295	3.430.035.448	3.575.787.559
Lợi nhuận sau thuế	780.938.852	3.430.035.448	3.575.787.559

Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	44,81%	30,61%	
Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn điều lệ	5%	15%	

(Nguồn: -Báo cáo tài chính Công ty 4 tháng cuối năm 2004, Báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2006.

- Báo cáo tài chính 4 tháng cuối năm 2004 được lập từ thời điểm 1/9/2004 khi Công ty chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần). Trả cổ tức 4 tháng năm 2004 là 5% tương ứng với 15% cho cả năm.

Cơ cấu doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp trong các năm vừa qua(tỷ đồng)



Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và các hoạt động phục vụ xây lắp, chủ yếu thi công công tác bê tông cốt thép tại các công trình thủy điện với qui mô vừa. Vì vậy doanh thu của công ty chủ yếu là do các hoạt động này đem lại. Trong tổng doanh thu hàng năm, doanh thu xây lắp chiếm tới 95%, phần còn lại là doanh thu từ các hoạt động ngoài xây lắp.

5.2.Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

5.2.1.Thuận Lợi

- Công ty được thừa hưởng toàn bộ lực lượng cán bộ công nhân viên từ Xí nghiệp Sông đà 505 đã được trải qua làm việc tại các công trình thủy điện khác nhau.
- Các công việc của Công ty đảm nhận chủ yếu là các công trình được phân giao hoặc được ký kết hợp đồng với Tổng công ty
- Sự chỉ đạo đúng đắn của lãnh đạo Công ty, sự đoàn kết gắn bó của các phòng ban nghiệp vụ, sự hăng hái thi đua sản xuất của tập thể cán bộ công nhân viên,.. đã tạo

nên một động lực lớn trong việc triển khai tổ chức sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động.

➤ Công ty rất chú trọng đến công tác quản lý chất lượng, ngày một nâng cao được uy tín, thương hiệu của đơn vị từ đó tạo sự tin tưởng của các chủ đầu tư và lãnh đạo ban quản lý các dự án.

➤ Công ty đã ban hành và ngày một hoàn thiện bộ định mức đơn giá khoán nội bộ cùng các qui chế khoán khác áp dụng đến từng tổ đội sản xuất theo từng công việc cụ thể trên cơ sở thực tế và tiết kiệm.

➤ Công ty đã chủ động được phân lớn lượng vật tư và các chi phí đầu vào khác trên cơ sở chào giá cạnh tranh của các đối tác cung cấp làm giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu kinh tế quả trong sản xuất kinh doanh.

➤ Các thiết bị, công cụ dụng cụ sản xuất chính của Công ty đã cơ bản được khấu hao hết vào giá thành từ các công trình trước đó, là yếu tố cơ bản giảm giá thành, tăng lợi nhuận.

➤ Đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân vận hành lành nghề, kinh nghiệm lâu năm, có kiến thức và hiểu biết sâu sắc về máy móc thiết bị và địa hình khu vực Miền Trung, giúp cho Công ty luôn thực hiện tốt các yêu cầu của chủ đầu tư và đảm bảo cho các sản phẩm của Công ty đạt chất lượng cao nhất, với thời gian thi công nhanh nhất.

➤ Sự chỉ đạo và đề ra các giải pháp tháo gỡ kịp thời những khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh của các cấp lãnh đạo Công ty mẹ nói chung và bản thân Công ty nói riêng là nhân tố lớn làm nên thắng lợi của Công ty trong năm qua.

5.2.2. Khó khăn

➤ Việc xác định lợi thế thương mại quá cao khi xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến giá trị và nguồn vốn thực tế phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị.

➤ Việc vận dụng cơ chế, chính sách quản lý đối với công ty cổ phần còn nhiều bất cập do những hạn chế khi mới đi vào cổ phần hóa doanh nghiệp.

➤ Địa bàn thi công dàn trải trên nhiều địa bàn khác nhau làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý và điều hành, kéo theo bộ máy mở rộng, phát sinh chi phí quản lý.

➤ Giá cả các loại nhiên liệu trên thị trường phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu từ các nước khác và có xu hướng biến động tăng, làm gia tăng chi phí hoạt động của máy móc thiết bị, dẫn đến giá thành sản phẩm tăng tương ứng và hệ quả tất yếu làm giảm lợi nhuận hoạt động của Công ty trong năm;

➤ Đội ngũ cán bộ kỹ thuật lành nghề trong việc nghiệm thu quyết toán các sản phẩm hoàn thành còn thiếu và yếu, làm ảnh hưởng đến tiến độ thu hồi vốn, dẫn đến chi phí dở dang lớn, ảnh hưởng không nhỏ đến các chỉ tiêu hiệu quả sử dụng vốn.

➤ Thiếu vốn và khó khăn trong việc tìm kiếm nguồn vốn tài trợ cho các dự án đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh như: Đổi mới máy móc thiết bị, góp vốn xây dựng thủy điện, đầu tư xây dựng chung cư cao tầng, đang là vấn đề cần phải có giải pháp tháo gỡ trong thời gian tới để thực hiện thành Công những chiến lược kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.

5.3.Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp

5.3.1.Nhận xét một số chỉ tiêu phản ánh tình tài chính của doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2004	Năm 2005	Từ 01/01-30/09/2006
<u>I. Các hệ số khả năng thanh toán</u>				
1. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (TSLĐ/Nợ NH)	lần	1,25	1,27	1,34
2. Khả năng thanh toán nhanh ((TSLĐ-HTK)/Nợ NH)	lần	0,78	0,75	0,56
<u>II. Các hệ số phản ánh cấu trúc tài sản và nguồn vốn</u>				
1. Hệ số nợ/Tổng nguồn vốn	%	83	73	70
2. Hệ số vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	17	27	30
3. Hệ số TSLĐ/ Tổng tài sản	%	94	94	93
4. Hệ số TSCĐ/ Tổng tài sản	%	6	6	7
<u>III. Các chỉ số hoạt động</u>				
1. Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn/HTK)	vòng	1,58	6,25	2,29
2. Số ngày vòng quay hàng tồn kho (360/Vòng quay HTK)	ngày	227,8	57,6	157,2
3. Vòng quay khoản phải thu (DTT/Các khoản phải thu)	vòng	1,24	4,59	4,35
4. Kỳ thu tiền trung bình (360/Vòng quay khoản phải thu)	ngày	290,3	78,4	82,7

IV. Các chỉ tiêu sinh lời				
1. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	2,94	3,3	5,9
2. Tỷ suất sinh lợi của tài sản (ROA)	%	1,7	8,4	8,1
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,1	31,9	27,7

(Nguồn: BCTC Công ty 4 tháng cuối năm 2004, Báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán, Báo cáo 9 tháng đầu năm 2006.

- BCTC 4 tháng năm 2004 được lập từ thời điểm 1/9/2004, thời điểm chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần).

➤ Tài sản lưu động chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của công ty luôn ở mức trên 94%. Tài sản lưu động của Công ty tập trung chủ yếu ở các khoản phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, đây là đặc thù của ngành xây lắp, các công trình thi công kéo dài và thời gian thanh toán các khoản phải thu chậm.

➤ Cũng do ảnh hưởng riêng của ngành xây lắp, dẫn đến các hệ số phản ánh tình hình hoạt động của doanh nghiệp thấp. Số ngày hàng tồn kho và kỳ thu tiền trung bình lớn là do ảnh hưởng của các khoản phải thu và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Tuy nhiên, trong năm 2005, và bước sang năm 2006, các chỉ tiêu phản ánh khả năng thanh toán và khả năng hoạt động của công ty đã được cải thiện một cách đáng kể.

➤ Các hệ số phản ánh khả năng sinh lời của doanh nghiệp ở mức tương đối tốt và có xu thế tăng qua các năm. Điều này phản ánh kể từ khi chuyển sang Công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp ngày càng hiệu quả và đem lại lợi ích nhiều hơn cho các cổ đông.

5.3.2. Các khoản nợ của công ty

Chỉ tiêu	31/12/2004	31/12/2005	30/09/2006
1. Các khoản phải thu	21.389.044.282	22.249.831.858	14.011.600.936
- Phải thu của khách hàng	8.837.936.331	16.045.490.405	8.651.447.476
- Trả trước cho người bán	174.885.931	12.600.000	1.423.885.950
- Phải thu khác	12.376.222.020	6.191.741.453	3.936.267.510
2. Nợ phải trả	35.656.068.267	30.068.818.682	31.039.323.261

2.1. Nợ ngắn hạn	32.773.939.021	30.068.818.682	30.507.289.535
- Vay và nợ ngắn hạn	0	10.057.803.151	11.703.005.057
- Phải trả cho người bán	11.249.507.260	11.284.109.481	9.248.831.386
- Người mua trả tiền trước	17.800.000.000	3.022.735.851	3.780.000.000
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.129.720.623	1.543.921.462	141.887.934
- Phải trả công nhân viên	990.296.814	1.895.145.848	3.312.967.170
- Chi phí phải trả		65.641.362	
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.604.414.324	2.199.461.527	2.320.597.988
2.2. Nợ dài hạn	0	0	0
2.3. Nợ khác	2.882.129.246	0	532.033.726

(Nguồn:- Báo cáo tài chính 4 tháng cuối năm 2004, Báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán, Báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2006.

- BCTC 4 tháng năm 2004 được lập từ 1/9/2004, thời điểm chính thức chuyển sang Công ty cổ phần).

➤ Như đã phân tích ở trên, do doanh nghiệp hoạt động trong ngành xây lắp, vì vậy các khoản phải thu thường chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản lưu động của Công ty và chủ yếu là các khoản phải thu các chủ đầu tư.

➤ Đối với các khoản phải trả, ngoài các khoản phát sinh trong hoạt động thường niên như: phải trả công nhân viên, phải trả, phải nộp Nhà nước... Công ty còn chủ yếu chiếm dụng được vốn của các nhà cung cấp, huy động từ ngân hàng và công ty mẹ. Hiện nay, Công ty có một số khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Gia Lai với tổng giá trị là 11.703.005.057 đồng . Hạn trả của các khoản vay này nằm trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2006 đến tháng 3 năm 2007 với lãi suất vay trung bình là 0,94%/tháng.

Giải trình của Công ty về khoản Phải trả cán bộ công nhân viên thời điểm 30/9/2006 là 3.312.967.170 đồng là tương đối lớn do những yếu tố sau tạo nên :

- Tiền nợ lương CBCNV tháng 6 và tháng 7/2006 : 939.760.570 đồng
- Tiền lương tháng 8/2006 chưa trả CBCNV : 1.178.000.000 đồng
- Tiền lương tháng 9/2006 chưa trả CBCNV : 1.195.206.600 đồng

(Ghi chú : Trong khoản nợ lương CBCNV tháng 6 và tháng 7 năm 2006, thực chất doanh nghiệp đã tạm ứng lương 907.694.525 đồng cho người lao động nhưng chưa quyết toán).

Tổng cộng khoản Phải trả cán bộ công nhân viên : 3.312.967.170 đồng.

Giải trình của Công ty về chênh lệch số dư một số khoản mục cuối kỳ báo cáo năm 2005 và đầu kỳ báo cáo năm 2006.

Theo báo cáo tài chính 9 tháng đầu năm 2006, Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam do Bộ tài chính ban hành theo Quyết định số 167/2000/QĐ- BTC ngày 20/10/2000, các chuẩn mực kế toán Việt Nam theo Quyết định số 149/2001/QĐ -BTC ngày 31/12/2000, trong khi báo cáo tài chính năm 2005 là báo cáo tài chính được kiểm toán do Công ty kiểm toán lập theo chuẩn mực kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Vì vậy, đã có sự chênh lệch số dư cuối kỳ năm 2005 và đầu kỳ năm 2006 ở một số khoản mục sau đây:

STT	Khoản mục	Số cuối năm 2005	Số đầu năm 2006	Chênh lệch
1	Các khoản phải thu	22.249.831.858	21.668.825.958	-581.005.900
2	Các khoản phải thu khác	6.191.741.453	5.610.735.553	-581.005.900
3	Tài sản lưu động khác	0	581.005.900	581.005.900
4	Nợ ngắn hạn	30.068.818.682	30.003.177.320	-65.641.362
5	Nợ khác	0	65.641.362	65.641.362

Nguyên nhân của sự chênh lệch này cụ thể như sau: Trong năm 2006, do áp dụng chuẩn mực kế toán khác nên Công ty vẫn tách riêng khoản mục “Tài sản lưu động khác” ra ngoài khoản mục “Các khoản phải thu khác”, đồng thời khoản mục “Nợ khác” được tách ra ngoài khoản mục “Nợ ngắn hạn”.

Giải trình của Công ty về điểm ngoại trừ thứ hai trong báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán:

Trong báo cáo kiểm toán số 47/BCKT/TC ngày 10/3/2006, kiểm toán có nêu ý kiến sau: “Trong năm tài chính 2005, Công ty xuất dùng một số công cụ, dụng cụ có giá trị lớn, thời hạn sử dụng lâu dài nhưng chưa được tiến hành phân bổ mà hạch toán vào chi phí trong kỳ”

Ý kiến của kiểm toán viên trong báo cáo kiểm toán bổ sung số 513/TVKT về điểm ngoại trừ thứ hai nêu trên như sau: Năm tài chính 2005, kết quả kinh doanh thuận lợi đã tạo điều kiện cho Công ty cổ phần Sông Đà 505 một mặt đảm bảo tốt lợi ích cho các cổ đông, mặt khác đẩy mạnh đầu tư nhằm nâng cao năng lực sản xuất trong tương lai. Vì vậy, Công ty đã mua sắm và xuất dùng một số máy văn phòng, cốp pha thép với giá trị : 482.292.676 đồng, thời gian sử dụng hữu ích ước tính là 2 niên độ kế toán và phản ánh vào toàn bộ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2005. Như vậy , khoản chi này sẽ không phân bổ vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2006.

6. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

6.1.Hội đồng quản trị

1. ÔNG: NGUYỄN XUÂN CHUẨN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 14/04/1949

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ái Quốc - Nam Sách - Hải Dương

Địa chỉ thường trú : Ao Sen - Văn Mỗ - Hà Đông - Hà Tây

Số điện thoại liên lạc : 027.864.530

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư thủy lợi

Quá trình công tác :

- Từ 11/1982 -:- 10/1983 : Cán bộ kỹ thuật - Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 11/1983 -:- 9/1984 : Khu trưởng Công ty thủy công - Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 10/1984 -:- 9/1987 : Phó Giám đốc Xí nghiệp thủy công - Công ty thủy công - Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 10/1987 -:- 11/1992 : Giám đốc Xí nghiệp thủy công - Công ty thủy công - Tổng Công ty Sông Đà.

- Từ 12/1992 -:- 7/1995: Phó giám đốc Công ty Xây dựng thủy điện Yaly - Gia Lai.
- Từ 8/1995 -:- 02/1998 : Giám đốc Công ty xây dựng Sông Đà 5.
- Từ 3/1998 -:- 8/1999 : Phó giám đốc Công ty BOT thủy điện Cần Đơn.
- Từ 9/1999 -:- 12/2004 : Giám đốc Công ty Sông Đà 5.
- Từ 01/2005 đến nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 505.

Chức vụ hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 160.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 3.000 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 157.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

2. ÔNG: ĐẶNG QUANG ĐẠT

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 12/03/1962

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Ngọc Long - Yên Mỹ - Hưng Yên

Địa chỉ thường trú : Hoàng Hoa Thám - Ba Đình - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc (Cơ quan): 059.875.243

Trình độ văn hoá : 10/10

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng công trình ngầm

Quá trình công tác :

- Từ 9/1985 -:- 1/1991 : Cán bộ thiết kế thi công, công trình ngầm Hòa Bình.
- Từ 2/1991 -:- 7/1993 : Đội trưởng Công trường Se-le-băm nước CHDCND Lào.
- Từ 8/1993 -:- 7/1996 : Cán bộ kỹ thuật Tổng Công ty Xây dựng Sông Đà tại Miền Trung.
- Từ 8/1996 -:- 12/1999 : Phó giám đốc Xí nghiệp vận tải - Công ty Sông Đà 5.

- Từ 01/2000 -:- 12/2002 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 501.
- Từ 01/2003 -:- 8/2004 : Giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 505- Công ty Sông Đà 5.
- Từ 9/2004 đến nay : Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 81.590 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 21.590 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 60.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

3. ÔNG: NGUYỄN MẠNH TIẾN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 18/08/1966

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Thanh Xuân Bắc - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc : 045.521.820

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 7/1985 -:- 2/1987 : Cán bộ Kế toán - Công ty Xây dựng công trình ngầm.
- Từ 3/1987 -:- 5/1988 : Cán bộ Kế toán – Xí nghiệp Thủy công 6 tại Trì An.
- Từ 6/1988 -:- 5/1989 : Cán bộ Kế toán - Công ty Xây dựng công trình ngầm.
- Từ 6/1989 -:- 10/1991 : Cán bộ Kế toán - Công ty Xây dựng công trình Yaly.
- Từ 11/1991 -:- 10/1992 : Phó Kế toán trưởng - Công ty Xây dựng công trình Yaly.

- Từ 11/1992 :- 12/1993 : Phó kế toán trưởng - Đại diện Tổng Công ty Sông Đà tại Miền Trung.
- Từ 01/1994 :- 5/1996 : Cán bộ Kế toán tại Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 6/1996 :- 8/1997 : Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 9/1997 :- 4/1998 : Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà- kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 15.
- Từ 4/1998 :- 3/2000 : Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà.
- Từ 4/2000 :- 4/2001 : Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty - Kiêm Kế toán trưởng Công ty BOT Cần Đơn.
- Từ 5/2001 đến nay : Phó Kế toán trưởng Tổng Công ty Sông Đà

Chức vụ hiện nay : Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 35.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 35.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

4. ÔNG: VŨ TRUNG TRỰC

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 20/10/1968

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Bình Minh - Kim Sơn - Ninh Bình

Địa chỉ thường trú : Thanh Xuân Nam - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc : 027.864.806

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 3/1991-:- 4/1994 : Cán bộ Kế toán Công trình Thủy điện Hòa Bình.
- Từ 5/1994 -:- 12/1995 : Kế toán trưởng Công ty Xây lắp vật liệu Sông Đà 12.
- Từ 01/1996 -:- 12/1996 : Kế toán trưởng Công ty xây lắp vật liệu Sông Đà 16.
- Từ 01/1997 -:- 12/1999 : Phó kế toán trưởng Công ty Sông Đà 16.
- Từ 01/2000 -:- 12/2000 : Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 16.
- Từ 01/2001-:- 12/2004 : Kế toán trưởng Công ty Sông Đà 5
- Từ 01/2005 đến nay : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 5

Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 32.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 2.000 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 30.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

5. ÔNG: ĐẶNG VĂN TUYẾN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 18/03/1971

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Liên Hiệp - Hưng Hà - Thái Bình

Địa chỉ thường trú : Krông Bông - Đắk Lắk

Số điện thoại liên lạc : 050.733.110

Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

- Từ 7/1990 -:- 3/1993 : Thợ điện Công ty Vĩnh Sơn.
- Từ 4/1993 -:- 02/2000 : Thợ điện Công ty Sông Đà 5.

- Từ 3/2000 -:- 12/2002 : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 501.
- Từ 01/2003 -:- 3/2004 : Trưởng ban Kinh tế - Kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 505.
- Từ 4/2004 -:- 8/2004 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 505.
- Từ 9/2004 đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Ủy viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 37.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 12.000 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước : 25.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

6.2. Ban kiểm soát

1. ÔNG : HOÀNG VIỆT THANH

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/01/1977

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quận Đống Đa – Thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú : Thượng Đình - Thanh Xuân - Hà Nội

Số điện thoại liên lạc :

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- 10/1999 -:- 10/2002 : Nhân viên kế toán Công ty Sông Đà 5
- 10/2002 -:- 7/2005 : Trưởng ban TC-KT Xí nghiệp Sông Đà 502

- 07/2005 đến nay : Trưởng ban TC-KT Xí nghiệp Sông Đà 506

Chức vụ hiện nay : Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 30.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 0 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 30.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

2. ÔNG: LÊ VĂN PHÚC

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/03/1964

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thụy Phúc - Phú Xuyên - Hà Tây

Địa chỉ thường trú : TP. Pleiku- Gia Lai

Số điện thoại liên lạc : 0914.141.650

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác :

- Từ 6/1984 -:- 8/1992 : Công nhân Thủy điện Vĩnh Sơn.
- Từ 9/1992 -:- 11/2002 : Đội trưởng Công ty Sông Đà 5.
- Từ 12/2002 -:- 08/2004 : Đội trưởng Xí nghiệp Sông Đà 505 - Công ty Sông Đà 5
- Từ 8/2004 -:- 5/2006 : Đội trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 505.
- Từ 6/2006 đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Thành viên ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 22.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân :12.000 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 10.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

3. ÔNG: PHẠM ĐỊNH HIẾU

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 05/04/1965

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Thượng - Nam Đàn - Nghệ An

Địa chỉ thường trú : TP. Pleiku - Gia Lai

Số điện thoại liên lạc : 0989.821.329

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cao đẳng CN

Quá trình công tác :

- Từ 01/1985 -:- 12/1994 : Công nhân Công ty xây dựng Vĩnh Sơn.
- Từ 4/1997-:- 11/2002 : Cán bộ Kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 501.
- Từ 12/2002-:- 05/2003 : Đội trưởng đội Sản xuất - Xí nghiệp Sông Đà 505
- Từ 6/2003 -:- 8/2004 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 505.
- Từ 9/2004 đến nay : Đội trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 14.950 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 4.950 Cổ phần
+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 10.000 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi, mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

6.3. Ban giám đốc

1. ÔNG: ĐẶNG QUANG ĐẠT

- Lý lịch được trình bày tại phần 1- Lý lịch Hội đồng quản trị

2. ÔNG: ĐẶNG VĂN TUYẾN

- Lý lịch được trình bày tại phần 1- Lý lịch Hội đồng quản trị

3. ÔNG: LÊ VĂN PHÚC

- Lý lịch được trình bày tại phần 2- Lý lịch Ban kiểm soát

4. ÔNG: ĐỖ VĂN KHẢ

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 15/03/1955

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Yên Phương – Yên Lạc – Vĩnh Phú

Địa chỉ thường trú : Iagrai- Gia Lai

Số điện thoại liên lạc : 059.840.037

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

Từ 8/1985 :- 12/1996 : Đội trưởng Công ty xây dựng Sông Đà 5.

Từ 01/1997 :- 6/2002 : Phó phòng Vật tư Xí nghiệp Sông Đà 501.

Từ 7/2002 :- 7/2003 : Trưởng ban Vật tư - Xí nghiệp Sông Đà 505.

Từ 8/2003 :- 9/2004 : Phó giám đốc Xí nghiệp Sông Đà 505.

Từ 9/2004 đến nay : Phó giám đốc Công ty cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 7.350 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân : 7.350 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

5. Ông : PHẠM VĂN HUẤN

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 18/10/1969

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cộng Hòa - Vụ Bản - Nam Định

Địa chỉ thường trú : Thị xã Kon Tum - Tỉnh Kon Tum

Số điện thoại liên lạc : 060.859.152

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Quá trình công tác :

Từ 5/1990 -:- 9/2001 : Công nhân Công ty Sông Đà 5.

Từ 10/2002 -:- 08/2004 : Cán bộ kỹ thuật Xí nghiệp Sông Đà 505.

Từ 9/2004 -:- 5/2006 : Đội trưởng Công ty Cổ phần Sông Đà 505.

Từ 6/2006 đến nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Chức vụ hiện nay : Phó giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 505

Số Cổ phần nắm giữ : 10.000 Cổ phần (mệnh giá: 10.000 đồng)

Trong đó: + Sở hữu cá nhân 10.000 Cổ phần

+ Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước: 0 Cổ phần

Những người liên quan nắm giữ cổ phiếu : Không có

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không.

7. TÀI SẢN:

7.1. Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính tại thời điểm 30/9/2006

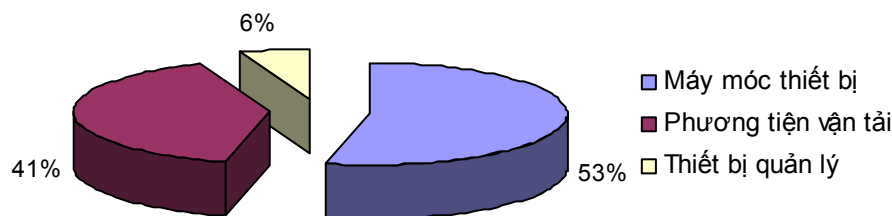
Đơn vị tính: đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG (%)
I	Tài sản cố định hữu hình	7.684.233.746	3.121.006.138	40,6%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0%
2	Máy móc thiết bị	4.132.256.605	1.574.293.345	38,1%
3	Phương tiện vận tải	3.135.318.644	1.471.955.398	46,9%
4	Thiết bị quản lý	416.658.498	74.757.396	17,9%
II	Tài sản cố định vô hình	2.128.332.810	131.250.010	6,1%
1	Giá trị lợi thế thương mại	1.778.332.810	0	0%
2	Giá trị thương hiệu Sông Đà	350.000.000	131.250.010	37,5%
Cộng		9.812.566.556	3.252.256.148	33,1%

(Nguồn : Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

▪ Hệ thống máy móc, thiết bị thi công của Công ty, hầu hết có xuất xứ từ các hãng nổi tiếng trên thế giới, được đầu tư mới trong những năm gần đây, và được thực hiện chính sách khấu hao nhanh khi Công ty đưa vào sử dụng. Vì vậy, giá trị còn lại của hệ thống thiết bị này tương đối thấp, nhưng thời gian sử dụng hữu ích vẫn còn dài, sẽ tạo điều kiện cho Công ty giảm giá thành ca máy, nâng cao năng lực cạnh tranh và gia tăng lợi nhuận hàng năm cho các cổ đông.

**Cơ cấu tài sản cố định của Công ty năm 2005
theo nguyên giá**



***Tài sản cố định vô hình của Công ty cổ phần Sông Đà 505 :**

Lợi thế thương mại : Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 16 tháng 5 năm 2004 của Xí nghiệp Sông Đà 505- Công ty Sông Đà 5, giá trị lợi thế thương mại của Xí nghiệp Sông Đà 505 tại thời điểm 31/03/2004 là 1.778.332.810 đồng. Sau khi Xí nghiệp Sông Đà 505 chuyển đổi thành Công ty cổ phần Sông Đà 505, giá trị lợi thế thương mại cũng được chuyển giao sang Công ty cổ phần.

Thương hiệu Sông Đà : Công ty cổ phần Sông Đà 505 sử dụng thương hiệu của Tổng Công ty Sông Đà tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp căn cứ theo Quyết định số 294/TCT/HĐQT ngày 25/5/2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà quy định tạm thời về việc sử dụng thương hiệu của Tổng Công ty áp dụng bằng 5% vốn điều lệ. Thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, Công ty cổ phần Sông Đà 505 có vốn điều lệ : 7 tỷ đồng, giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định là : 350.000.000 đồng. Năm 2006, Công ty cổ phần Sông Đà 505 đã ký hợp đồng nhận chuyển giao quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hóa với Tổng Công ty Sông Đà giá trị chuyển giao là 350.000.000 đồng, thời hạn sử dụng là 2 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

7.2. Danh mục các tài sản cố định hữu hình của Công ty tại thời điểm 30/9/2006

ST T	Dây chuyền - Thiết bị	Số lượng	Nước sản xuất	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Nhà cửa, vật kiến trúc			0	0
II	Máy móc thiết bị			4.132.256.605	1.574.293.345

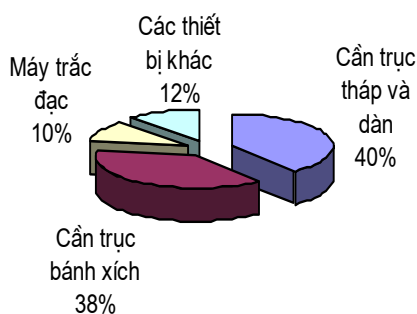
1	Máy đầm			63.826.000	0
-	Máy đầm đất MIKASA MT720 - FW	01	Nhật bản	31.913.000	0
-	Máy đầm MIKASA FW - 720 FW	01	Nhật bản	31.913.000	0
2	Trạm trộn bê tông			75.407.444	29.244.048
-	Máy trộn bê tông di động 380 lít No1	01	Nhật bản	11.407.200	0
-	Máy trộn bê tông di động 380 lít No2	01	Nhật bản	11.407.200	0
-	Máy trộn bê tông di động 380 lít No5	01	Nhật bản	11.307.330	0
-	Máy trộn bê tông 750 lít	01	Trung Quốc	41.285.714	29.244.048
3	Trạm nghiền			61.904.762	61.904.762
-	Trạm nghiền đá mini 750	01	Việt Nam	61.904.762	61.904.762
4	Cần trục bánh lốp và ô tô			123.500.000	0
-	Cần trục bánh lốp MAZ 3577	01	Liên xô	123.500.000	0
5	Cần trục tháp và dàn			1.626.073.091	1.207.486.179
-	Cần trục tháp KB 100 No1	01	Liên xô	232.819.808	0
-	Cần trục tháp cố định Potain 744 CS	01	CH Pháp	1.393.253.283	1.207.486.179
6	Máy tiện, doa, xọc, máy phay, bào và máy khoan			147.875.000	0
-	Máy tiện ren 16A20	01	Liên xô	123.500.000	0
-	Máy khoan thép đứng 2H 125	01	Liên xô	24.375.000	0
7	Máy mài, ca cắt, máy búa và máy uốn tôn			18.806.336	0
-	Máy mài 2 đá 3B 663 No2	01	Liên xô	18.806.336	0
8	Máy trắc đạc			424.000.000	153.216.681
-	Máy toàn đạc điện tử LEIKA TC - 47	01	Nhật bản	165.700.000	0
-	Máy toàn đạc điện tử Leica TC -405	01	Nhật bản	193.400.000	136.991.669
-	Máy kinh vĩ điện tử Horizon ET -1002	01	Nhật bản	32.450.000	9.464.589
-	Máy kinh vĩ điện tử Horion ET -1002 - No1	01	Nhật bản	32.450.000	6.760.423
9	Cần trục bánh xích			1.590.863.972	122.441.675
-	Cần trục bánh xích DEK 251 No1	01	Nga	291.891.210	0
-	Cần trục bánh xích DEK 251 No2	01	Nga	869.568.000	62.802.123
-	Cần trục Hitachi KH 100-2	01	Nga	429.404.762	59.639.552
III	Phương tiện vận tải truyền dẫn			3.135.318.644	1.471.955.398
1	Ô tô vận tải loại 1			2.031.769.099	1.370.833.332

-	Ô tô MAZ 5551 81K - 1373	01	Nga	331.790.859	0
-	Ô tô KAMAZ 81K - 7718	01	Nga	289.978.240	0
-	Xe ô tô Kama trộn VBT 22L - 2611	01	Nga	470.000.000	456.944.444
-	Xe ô tô Kama trộn VBT 22L - 2612	01	Nga	470.000.000	456.944.444
-	Xe ô tô Kama trộn VBT 22L - 2613	01	Nga	470.000.000	456.944.444
2	Ô tô vận tải loại 2			282.720.435	68.055.556
-	Xe ô tô KIA 81K - 1366	01	Hàn Quốc	212.720.435	0
-	Xe tải ben Ru dong 82K - 1790	01	Trung Quốc	70.000.000	68.055.556
3	Xe du lịch 4 chỗ ngồi			721.709.500	8.333.332
-	Xe YAZ 81K - 4464	01	Nga	81.120.000	0
-	Xe ô tô Uoát BKS: 81K - 6997	01	Nga	10.000.000	8.333.332
-	Xe du lịch NISSAN 29N - 0835	01	Nhật Bản	60.000.000	0
-	Xe Mitsubishi 29N - 4436	01	Nhật Bản	570.589.500	0
4	Xe máy			99.119.610	24.733.178
-	Xe máy Wave @ 81H2 - 2956	01	Việt Nam	12.594.373	0
-	Xe máy Wave @ 81H2 - 2939	01	Việt Nam	12.045.173	0
-	Xe máy Wave @ 81H2 - 8755	01	Việt Nam	12.178.045	2.503.268
-	Xe máy Wave @ 81H7 - 2615	01	Việt Nam	12.267.573	3.066.891
-	Xe máy Wave @ 81H7 - 4299	01	Việt Nam	12.277.073	3.069.263
-	Xe máy Wave @ 81H1 - 8689	01	Việt Nam	12.502.236	6.772.039
-	Xe máy Wave @ 81K1 - 3316	01	Việt Nam	12.428.955	9.321.717
-	Xe máy Halim 81H - 9636	01	Hàn Quốc	12.826.182	0
IV	Thiết bị dụng cụ quản lý			416.658.498	74.757.396
1	Máy vi tính			339.126.680	61.954.358
-	Máy vi tính COMPAQ No1	01	Singapo	24.216.000	0
-	Máy vi tính COMPAQ P4-2 No1	01	Singapo	12.857.143	0
-	Máy vi tính COMPAQ P4-2 No2	01	Singapo	12.857.143	0
-	Máy vi tính IBM No1	01	Mỹ	14.293.500	0
-	Máy vi tính IBM No2	01	Mỹ	16.683.117	0
-	Máy vi tính ISYS Pentium 4-No1	01		16.428.571	0
-	Máy vi tính IBM Intel Pentium IV3.60	01	Việt Nam	11.428.571	7.619.045
-	Máy vi tính VTB Pentium No1	01	Việt Nam	13.489.178	0
-	Máy vi tính VTB Pentium No2	01	Việt Nam	11.664.677	0
-	Máy vi tính VTB Pentium No3	01	Nhật bản	15.370.130	0
-	Máy vi tính xách tay Toshiba	01	Mỹ	35.939.393	0

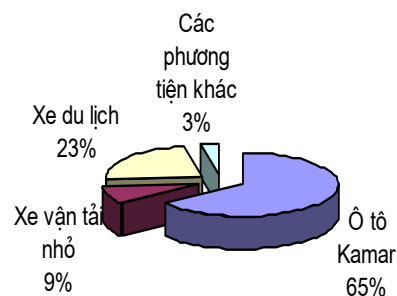
-	Máy vi tính xách tay IBM R50e No1	01	Mỹ	22.380.952	0
-	Máy vi tính xách tay IBM R50e No2	01	Mỹ	25.047.619	0
-	Máy vi tính xách tay IBM T42 -7 WA	01	Mỹ	27.578.095	8.043.616
-	Máy vi tính xách tay IBM R50e MA3 No4	01	Singapo	20.500.000	4.555.568
-	Máy tính xách tay IBM R50e TA5 No1	01	Singapo	14.190.476	10.248.676
-	Máy tính xách tay IBM R50e TA5 No2	01	Singapo	16.000.000	11.555.560
-	Máy vi tính xách tay B.1300	01	Mỹ	14.669.000	14.669.000
-	Máy vi tính HP pavilion A1030l	01	Mỹ	13.533.115	5.262.875
2	Máy Photocopy			77.531.818	12.803.038
-	Máy photo RICOH 6750	01	Mỹ	21.168.182	0
-	Máy photo RICOH 5840	01	Mỹ	20.000.000	0
-	Máy photo RICOH 5832	01	Mỹ	20.000.000	6.666.672
-	Máy photo RICOH 4527	01	Mỹ	16.363.636	6.136.366

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

Cơ cấu giá trị các loại máy móc theo nguyên giá



Cơ cấu giá trị các phương tiện vận tải theo nguyên giá



8. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN VÀ CỔ TỨC

Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh giai đoạn 2006-2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 505 đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua, với các mục tiêu cơ bản trong hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

- Tốc độ tăng trưởng hàng năm: xấp xỉ 5%;

- Đảm bảo việc làm và thu nhập bình quân của người lao động đạt 2,5 triệu đồng/người/tháng;

- Cổ tức chia cho các cổ đông tối thiểu 15% trở lên;

Trên cơ sở các mục tiêu đó, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2006- 2008 mang tính thực tiễn và khả thi cao.

• **Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty từ 2006- 2008**

Chỉ tiêu	Năm 2006		Năm 2007		Năm 2008	
	Triệu đồng	% tăng (giảm)	Triệu đồng	% tăng (giảm)	Triệu đồng	% tăng (giảm)
Tổng doanh thu	104.381	2,1%	111.688	7%	120.623	8%
Lợi nhuận sau thuế	4.025	17,3%	4.459	10,8%	4.950	11%
Lợi nhuận sau thuế/ tổng doanh thu	3,9%	0,6%	4,0%	0,1%	4,1%	0,1%
Lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu	30,1%	-1,9%	27%	-3,1%	27%	0%
Tỷ lệ cổ tức	17%		17%		17%	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

9. CÁC CĂN CỨ ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN

- Trong giai đoạn 2006- 2008 Công ty sẽ tiến hành đầu tư hiện đại hóa năng lực sản xuất máy móc, thiết bị với tổng mức đầu tư là 12 tỷ. Các khoản đầu tư này chắc chắn sẽ đem lại hiệu quả lớn vì công ty là đơn vị thi công kết cấu bê tông chủ lực tại Miền Trung Tây Nguyên, do đó các máy móc thiết bị mới sẽ được khai thác sử dụng hết công suất.

- Bên cạnh đó, các máy móc thiết bị hiện nay đã và sắp hết khấu hao, làm giảm giá thành ca máy, vì thế doanh nghiệp xây dựng doanh thu tăng ở mức ổn định nhưng lợi nhuận sẽ gia tăng trong những năm sắp tới.

- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân năm trong thời kỳ 2004-2006 khoảng 5% năm, với những hợp đồng đã ký kết và những kế hoạch sẽ được Tổng công ty giao thì mức doanh thu xây dựng như trên là ở mức thấp nhất, thực tế có thể cao hơn.

- Theo những số liệu hiện có, trong giai đoạn 2006- 2010 công ty sẽ thực hiện khối lượng công việc có tổng giá trị khoảng 605.881 triệu đồng.

DANH MỤC GIÁ TRỊ CÁC CÔNG VIỆC CÔNG TY SẼ THI **CÔNG GIAI ĐOẠN 2006- 2010**

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung công việc	Tổng cộng	Năm				
			2006	2007	2008	2009	2010
	Tổng cộng	605.881	103.397	120.484	124.000	125.000	133.000
1	Công trình thủy điện Sê San 3A	10.232	10.232				
2	Công trình thủy điện Plei Krông	30.714	30.714				
3	Công trình thủy điện Sê San 4	51.708	25.949	20.759	5.000		
4	Công trình thủy điện Krông Kmar	33.131	18.406	14.725			
5	Công trình thủy điện Đắc Rơ Sa	8.443	8.443				
6	Công trình thủy điện Sêcepok	104.000		20.000	54.000	25.000	5.000
7	Công trình thủy điện Se kaman 3	85.000		25.000	45.000	15.000	
8	Công trình thủy điện Sêkaman 1	233.000			20.000	85.000	128.000
9	Dự án mở rộng dây chuyên nghiên xi măng Sông Đà -Ialy	5.983	5.983				
10	Dự án dây chuyên nghiên xi măng Hạ Long	33.670	3.670	30.000			
11	Khu quản lý vận hành nhà máy TĐ Sê San 3A	10.000		10.000			

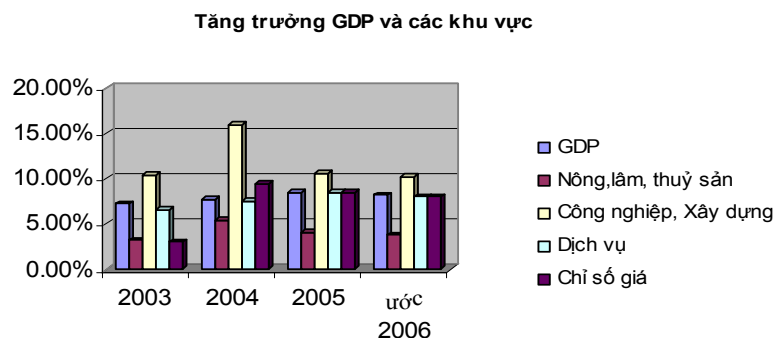
(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

10. ĐÁNH GIÁ CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN VỀ KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN

Với tư cách là tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, Công ty TNHH Chứng Khoán ACB đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 505.

Chúng tôi cho rằng mức kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Công ty là hoàn toàn có thể thực hiện được vì các lý do sau:

o Nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm trên 7%. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tỷ trọng đầu tư cho lĩnh vực xây dựng, công nghiệp là lớn nhất so với các lĩnh vực khác. Tốc độ tăng GDP của nhóm ngành công nghiệp cũng luôn cao hơn so với các ngành khác.



Nguồn: Thời báo kinh tế Việt Nam- Kinh tế Việt Nam năm 2005- 2006

o Theo chiến lược phát triển điện lực quốc gia từ nay đến năm 2020 Nhà nước sẽ xây dựng tại Miền Trung Tây Nguyên 33 nhà máy thủy điện lớn nhỏ các loại, tạo ra một thị trường rộng lớn cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp trên địa bàn.

o Tổng công ty Sông Đà là đơn vị chủ đạo trong thi công các công trình thủy điện lớn của đất nước, Công ty Cổ phần Sông Đà 5 là đơn vị thi công cơ giới duy nhất của Tổng công ty, chắc chắn sẽ được giao các phần việc thi công xây dựng các công trình này. Vì vậy Công ty cổ phần Sông Đà 505 sẽ được hưởng những lợi thế to lớn nêu trên từ Công ty mẹ và Tổng công ty, tạo nguồn công việc ổn định cho Công ty trong thời gian trước mắt cũng như lâu dài.

o Tốc độ tăng trưởng doanh thu của Công ty thời kỳ 2004-2006 bình quân trên 25%, tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm do công ty xây dựng cho thời kỳ 2006 đến 2008 duy trì theo mức doanh thu của năm 2006 là thận trọng và đảm bảo tính khả thi cao.

o Cũng tương tự như vậy, kế hoạch lợi nhuận các năm 2006 đến 2008 không biến động nhiều vì công ty dự tính lợi nhuận hàng năm theo một tỷ lệ hợp lý trên doanh thu,

bằng phương pháp thống kê kinh nghiệm của những năm trước có tính đến những nhân tố ảnh hưởng trong tương lai.

o Trong giai đoạn 2006- 2010 Công ty định hướng sẽ đầu tư nâng cao năng lực máy móc, thiết bị thi công và thực hiện đầu tư xây dựng chung cư cao tầng, góp vốn xây dựng thủy điện. Đây là những nguồn thu sẽ đóng góp không nhỏ vào doanh thu của doanh nghiệp trong giai đoạn 2006- 2010.

o Căn cứ vào danh mục các hợp đồng xây lắp mà công ty đã ký kết với các đối tác trong thời gian qua, có thể nói doanh thu và lợi nhuận trong năm 2006 hoàn toàn có thể đạt được như kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

CÁC HỢP ĐỒNG ĐANG THỰC HIỆN VỚI CÁC ĐỐI TÁC :

TT	Nội dung hợp đồng	Số HĐ	Ngày ký	Đối tác	Gía trị (1000đ)
1	Thi công CT - Dự án TĐ Sê San 3A	05/2005/HĐXL/T CT-SĐ505	T7/2005	TCT Sông Đà	173.519.000
2	Thầu phụ thi công khu TĐC TĐ SS3A	34/HĐKT	30/06/04	Cty CP Sông Đà 25.	2.334.804
3	Thi công CT Thủy Điện Iagrai.	505-407/HĐKT-2004	21/7/04	XN Sông Đà 407 - Cty Sông Đà 4.	12.185.224
4	Thoả thuận HĐ giao thầu xây lắp công trình TĐ Pleikrông	03/HĐKT-SĐ5	20/11/03	BĐH Dự án TĐ Pleikrông	73.321.328
5	Thi công xây dựng công trình	22/2005/HĐKT	12/01/05	CTCPXM Sông Đà - Yaly	9.167.000
6	TC XDNM TĐ Đăkrôsa	01/HĐ-XD	20/1/06	Cty CP TĐ Đăkrôsa	7.318.322
7	TC XDNM TĐ Đăkrôsa	09/HĐ-XD	28/08/06	Cty CP TĐ Đăkrôsa	3.481.719
8	Thi công XD các hạng mục công việc tại Công trình thủy điện Xêkaman 3	22/2006/HĐ/SĐ-SĐ505	20/6/06	Tổng công ty Sông Đà	85.943.000
9	Thoả thuận HĐ giao thầu xây lắp công trình TĐ Sê san 4	03BĐH/HĐKT-SS4	02/01/05	BĐH Dự án TĐ Sê san 4	80.000.000
10	Thi công xây dựng công trình TĐ Krông Kmar	30/2005/HĐKT	07/01/05	Cty CPĐT-Phát triển SĐ	40.277.194
11	Thi công Nhà máy XM Hạ Long - TP HCM		30/09/06	Tổng công ty Sông Đà	42.000.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Sông Đà 505)

o Nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức mà công ty đưa ra cho thời kỳ 2006- 2010 là có tính khả thi và có thể thực hiện được.

○ Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do đơn vị cung cấp và thu thập có chọn lọc và dựa trên những lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo.

11. THÔNG TIN VỀ NHỮNG CAM KẾT NHƯNG CHƯA THỰC HIỆN CỦA TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ

Không có

12. CÁC THÔNG TIN, CÁC TRANH CHẤP KIẾN TỤNG LIÊN QUAN TỚI CÔNG TY MÀ CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN GIÁ CẢ CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

Không có

IV. CỔ PHIẾU ĐĂNG KÝ

- | | |
|-------------------------|--------------------|
| 1. LOẠI CỔ PHIẾU | CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG |
| 2. MỆNH GIÁ | 10.000 ĐỒNG |
| 3. TỔNG SỐ CHỨNG KHOÁN | 700.000 CỔ PHẦN |
| 4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ | |

Giá trị sổ sách công ty

Tại thời điểm 31/12/2005 (Mệnh giá 10.000 đồng/ Cổ phần)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{10.743.833.472}{700.000} \\ &= 15.348 \text{ đồng} \end{aligned}$$

Tại thời điểm 30/09/2006 (Mệnh giá 10.000 đồng / Cổ phần)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{12.899.177.202}{700.000} \\ &= 18.247 \text{ đồng} \end{aligned}$$

5. GIỚI HẠN VỀ TỶ LỆ NẮM GIỮ ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Công ty hiện chưa có cổ đông nước ngoài nào sở hữu cổ phiếu. Điều lệ Công ty không quy định giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài.

Sau khi đăng ký giao dịch tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam, trong đó quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán cổ phiếu trên Thị trường Chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu đăng ký giao dịch của tổ chức phát hành.

6. CÁC LOẠI THUẾ CÓ LIÊN QUAN

Theo quy định tại Nghị định 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ thì Công ty được miễn thuế 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 2 năm tiếp theo.

Bắt đầu từ thời điểm ngày 01 tháng 09 năm 2004, Công ty chính thức đi vào hoạt động và Công ty đã được Cục thuế cho phép đóng thuế thu nhập năm 2004 và bắt đầu được hưởng ưu đãi miễn thuế TNDN trong hai năm 2005 và 2006; giảm 50% vào hai năm 2007 và 2008.

Theo Công văn số 5248/TC-CST Bộ tài chính ngày 29/4/2005 về việc ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp cho tổ chức đăng ký giao dịch tại TTGDCK Hà Nội, Công ty Cổ phần Sông Đà 505 sẽ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm kể từ khi được chấp thuận việc đăng ký giao dịch. Trong trường hợp công ty đang được hưởng thuế TNDN thì ưu đãi này được bắt đầu tính từ khi kết thúc những ưu đãi hiện doanh nghiệp đang được hưởng. Do đó, Công ty sẽ tiếp tục được giảm 50% thuế TNDN trong 2 năm 2009 và 2010.

Thuế suất thuế TNDN là 28%.

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo các Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành.

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB- CHI NHÁNH HÀ NỘI

Trụ sở: 95-97 Trần Quốc Toản, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 942 9396

Fax: (84-4) 942 9408

Website: www.acbs.com.vn

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN(AASC)

Trụ sở chính: 01 Lê Phụng Hiểu, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 824 1990

Fax: (84-4) 825 3973

Email: aasc-ndd@hn.vnn.vn

Website: www.aasc.com.vn

VI. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. RỦI RO VỀ KINH TẾ

Tốc độ tăng trưởng của Công ty chịu sự ảnh hưởng mạnh bởi tình hình tăng trưởng chung của nền kinh tế và ngành xây dựng, đặc biệt là xây dựng thủy điện. Theo các chuyên gia kinh tế, nền kinh tế Việt Nam trong những năm tới sẽ tiếp tục hội nhập sâu rộng với kinh tế thế giới và giữ được tốc độ tăng trưởng cao. Cung cầu về điện hiện nay đang ở tình trạng mất cân bằng, cung nhỏ hơn cầu. Định hướng của Đảng và Nhà nước trong những năm tới sẽ đẩy mạnh đầu tư phát triển hạ tầng nguồn điện đặc biệt là thủy điện trên cả nước mà Miền Trung Tây Nguyên là một trọng điểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển của các doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng thủy điện. Vì thế, rủi ro về kinh tế không phải là rủi ro lớn đối với Công ty.

2. RỦI RO VỀ LUẬT PHÁP

Hiện tại, hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 505 chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp. Nếu được cấp phép giao dịch tại Trung tâm giao dịch Chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty sẽ tuân thủ theo sự điều chỉnh của Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán. Từ đầu 2007, nếu được giao dịch tại trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của doanh nghiệp sẽ được điều chỉnh bởi Luật chứng khoán. Nhìn chung trong thời gian tới rủi ro luật pháp đối với doanh nghiệp là không cao do Luật chứng khoán ra đời sẽ có tính ổn định, nhất quán cao hơn các Nghị định và Quy định từ trước đến nay hiện vẫn đang áp dụng.

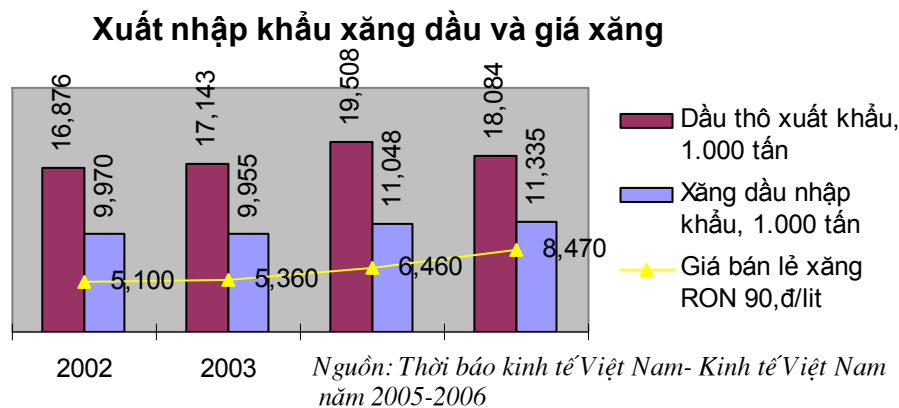
3. RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay, trong tiến trình Việt Nam sắp trở thành một thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới WTO, ngày càng có nhiều doanh nghiệp mới tham gia hoạt động trong ngành xây dựng, đặc biệt là trong lĩnh vực xây dựng thủy điện, thủy lợi. Do đó, Công ty phải chịu áp lực cạnh tranh ngày càng lớn với nhiều doanh nghiệp khác có quy mô, năng lực và thị phần lớn. Trong lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, thế mạnh lớn nhất của Công ty là ở mảng thi công xây lắp bê tông cốt thép.. Để giảm bớt áp lực cạnh tranh, Công ty sẽ tập trung khai thác thế mạnh riêng của mình đó là mảng thi công bê tông cốt thép, đồng thời đẩy mạnh nghiên cứu, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang những lĩnh vực và thị trường khác.

4. RỦI RO ĐẶC THÙ

Do đặc thù là doanh nghiệp thi công bê tông cốt thép, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp phụ thuộc rất nhiều vào sự ổn định về nguồn cung cấp và giá cả của các loại nguyên nhiên vật liệu đầu vào. Các nhóm nguyên vật liệu đầu vào của công ty bao gồm : Xi măng, sắt thép, đá xây dựng, xăng dầu và điện đều có nguồn cung cấp rất ổn định. Do đó kết quả sản xuất kinh doanh của công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của sự biến động giá cả của các loại nguyên vật liệu kể trên. Trong những năm gần đây, tình hình chính trị trên thế giới có nhiều bất ổn, xung đột vũ trang xảy ra thường xuyên ở một số khu vực, đặc biệt là tại vùng Trung Đông, là nguyên nhân chính làm cho giá nhiên liệu có xu hướng ngày càng tăng. Để hạn chế những ảnh hưởng của sự biến động này, công ty đã chủ động có kế hoạch dự phòng hợp lý, ký kết những hợp đồng mua

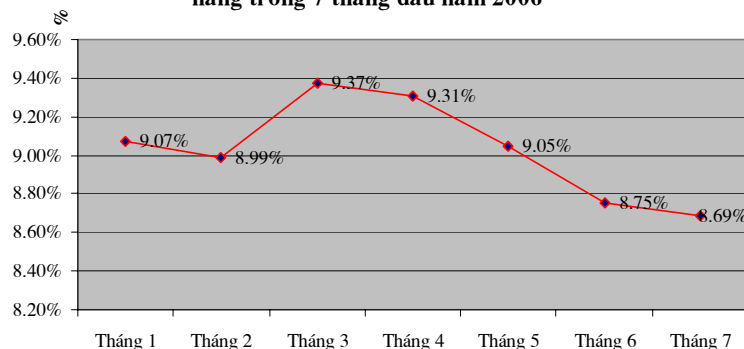
bán với các nhà cung cấp, đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào luôn được đáp ứng một cách kịp thời với mức giá cả hợp lý.



5. RỦI RO LÃI SUẤT

Như đã phân tích, tỷ trọng các khoản nợ phải trả chiếm phần lớn trong cơ cấu nguồn vốn của doanh nghiệp. Việc sử dụng đòn bẩy tài chính lớn sẽ làm gia tăng chi phí lãi vay trong hoạt động của Công ty. Tình hình biến động lãi suất trong nền kinh tế thời gian vừa qua cho thấy lãi suất vẫn đang có chiều hướng tăng, mặc dù vẫn chịu sự kiểm soát vĩ mô của ngân hàng Nhà nước. Lãi suất tăng làm tăng chi phí và giảm hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, để hạn chế những rủi ro này, Công ty nên tìm cách tái cấu trúc nguồn vốn theo hướng tăng dần tỷ trọng vốn chủ sở hữu, sau khi tham gia thị trường chứng khoán, Công ty sẽ có những thuận lợi rất lớn để thực hiện được mục tiêu này thông qua việc huy động vốn từ công chúng đầu tư.

Biến động lãi suất kỳ hạn 6 tháng trên thị trường liên ngân hàng trong 7 tháng đầu năm 2006



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

VII. PHỤ LỤC

- 1. PHỤ LỤC I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- 2. PHỤ LỤC II:** Sổ theo dõi cổ đông của Công ty.
- 3. PHỤ LỤC III:** Nghị quyết của HĐQT đăng ký giao dịch cổ phiếu.
- 4. PHỤ LỤC IV:** Cam kết chỉnh sửa điều lệ của HĐQT.
- 5. PHỤ LỤC V:** Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty.
- 6. PHỤ LỤC VI:** Báo cáo tài chính 04 tháng cuối năm 2004, Báo cáo tài chính năm 2005 đã kiểm toán, báo cáo tài chính 09 tháng đầu năm 2006.
- 7. PHỤ LỤC VII :** Các tài liệu khác

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC XIN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 505

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN XUÂN CHUẨN

ĐẶNG QUANG ĐẠT

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

KẾ TOÁN TRƯỞNG

HOÀNG VIỆT THANH

VŨ SƠN THUY

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN ACB
GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH HÀ NỘI

PHẠM TUẤN LONG